

Đơn vị: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thanh Hóa
Chương: 423

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thanh Hóa, ngày 14 tháng 7 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thanh Hóa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	220.000.000	76.450.000	35%	-
1	Lệ phí				
2	Phí thực phẩm	220.000.000	76.450.000	35%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	9.765.000	9.765.000	100%	
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	9.765.000	9.765.000	100%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.765.000	9.765.000	100%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	220.000.000	66.685.000	30%	-
I	Lệ phí				
2	Phí thực phẩm	220.000.000	66.685.000	30%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.001.000.000	5.052.252.434	39%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.001.000.000	5.052.252.434	39%	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.736.000.000	2.595.708.267	45%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.265.000.000	2.456.544.167	34%	
2.1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)	183.000.000		0%	
2.2	Chi sự nghiệp Y tế (Loại 130, khoản 134)	148.000.000		0%	
2.3	Thực hiện đề án, dự án, chương trình, kế hoạch được giao (Loại 130, khoản 134)	154.000.000	45.865.230	30%	
2.4	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280, khoản 338)	6.780.000.000	2.410.678.937	36%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 14 tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Lê Hồng Sơn